

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 193/2023/DS-ST

Ngày: 30/6/2023.

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Ánh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Đình Phúc;

2. Bà Nghiêm Thị Xuân Huê.

*- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Cao Thị Mỹ Trà - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Trần Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 và ngày 30 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 42/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 02 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4261/2023/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4432/2023/QĐST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

Địa chỉ: Số 422 đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn:* Bà Trần Hàng Tổ N, sinh năm 1990 (Theo Giấy ủy quyền số 2034/UQ-QLN.22 ngày 19/9/2022).

Địa chỉ liên hệ: Lầu 8, Tòa nhà K, số 444A-446 đường N, Phường L, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh (*Yêu cầu xét xử vắng mặt*).

*- Bị đơn:* Ông Nguyễn Việt N, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số 233/25 Đường V, phường G, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (*Vắng mặt*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 14/7/2022, các bản khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 23/6/2023, bà Trần Hàng Tổ N là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Căn cứ hồ sơ đề nghị vay vốn, bị đơn cư trú tại 233/25 Võ Văn K, phường G, Quận P, Tp. Hồ Chí Minh được Ngân hàng Ngân hàng Thương mại Cổ phần A - Chi nhánh BT cấp hai khoản tín dụng như sau:

1. Theo Hợp đồng cấp tín dụng số BTH.CN.1595.050122 ngày 05/01/2022, vay số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), thời hạn 24 tháng kể từ ngày kế tiếp ngày nhận tiền vay lần đầu; mục đích vay tiêu dùng mua sắm hàng hoá phục vụ nhu cầu sinh hoạt gia đình, không có tài sản bảo đảm; lãi suất theo dư nợ ban đầu 10,50%/năm (LS1), lãi suất theo dư nợ cho vay thực tế 20,16%/năm (LS2), lãi suất quá hạn là 150% LS2, lãi phạt chậm trả lãi 10%/năm. Ngày 05/01/2022, Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay qua tài khoản số 23202677 của bị đơn mở tại Ngân hàng A (số tài khoản vay 351674219).

2. Theo Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân của bị đơn. Ngày 05/01/2022, Ngân hàng cấp cho bị đơn thẻ tín dụng quốc tế loại thẻ Visa Gold, số thẻ: 4791 3925 5227 XXXX, hạn mức thẻ 26.000.000 đồng (Hai mươi sáu triệu đồng), hiệu lực thẻ đến tháng 01/2025; lãi suất (trong hạn, quá hạn), phí theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng cấp tín dụng và sử dụng thẻ tín dụng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Ngày 10/5/2022, Ngân hàng chấm dứt việc sử dụng thẻ tín dụng và chuyển tổng dư nợ thẻ là: 28.609.480 đồng sang nợ quá hạn.

Ngày 03/6/2022, Ngân hàng thông báo thu hồi trước hạn khoản vay của Hợp đồng cấp tín dụng số BTH.CN.1595.050122.

Ngày 14/7/2022, Ngân hàng nộp đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tổng khoản nợ tính đến ngày 28/6/2022 bao gồm nợ gốc, lãi là: 72.500.605 đồng. Bị đơn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng và bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của A kể từ ngày 29/6/2022 cho đến khi trả hết nợ.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt và Bảng kê tính lãi của hai khoản vay đến ngày 30/6/2023, Ngân hàng yêu cầu bị đơn thanh toán hai khoản vay tổng số tiền là: 96.402.277 đồng, tiền lãi tiếp tục phát sinh sau ngày Tòa án xét xử cho đến khi bị đơn trả hết nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất thỏa thuận, cụ thể:

Khoản vay của Hợp đồng cấp tín dụng số BTH.CN.1595.050122 ngày 05/01/2022: nợ gốc 40.000.000 đồng, nợ lãi 15.150.386 đồng, tổng cộng: 55.150.386 đồng;

Khoản vay thẻ tín dụng quốc tế cấp ngày 05/01/2022: nợ gốc 28.609.480 đồng, nợ lãi 12.642.411 đồng, tổng cộng: 41.251.891 đồng.

*Ông Nguyễn Việt N là bị đơn, trong quá trình chuẩn bị xét xử Toà án đã được Toà án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng, triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, triệu tập tham gia phiên toà đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không rõ lý do.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự tố tụng đúng quy định. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa sơ thẩm xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy nguyên đơn và bị đơn có xác lập quan hệ tín dụng theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng cấp tín dụng số BTH.CN.1595.050122 ngày 05/01/2022 với số tiền vay là 40.000.000 đồng; mục đích vay: Tiêu dùng, không có tài sản bảo đảm; thời hạn vay 24 tháng từ ngày 06/01/2022 đến ngày 05/01/2024; lãi suất trong hạn tính theo dư nợ ban đầu là 10,05%/năm (LS1) và tính theo dư nợ cho vay thực tế là 20,16%/năm (LS2), lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn (LS2), lãi phạt chậm trả lãi là 10%/năm;

- Giấy đề nghị kiểm phương án vay tiêu dùng tín chấp ngày 27/12/2021 và Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân. Ngân hàng đã cấp hạn mức sử dụng thẻ tín dụng Visa Gold cho bị đơn với số thẻ 4791 3925 5227 XXXX ngày 05/01/2022, hạn mức thẻ: 26.000.000 đồng. Lãi suất theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không thanh toán nợ gốc và nợ lãi cho nguyên đơn theo cam kết. Do đó, Nguyên đơn đã chuyển khoản nợ thẻ tín dụng quốc tế sang nợ quá hạn, đồng thời chấm dứt việc sử dụng thẻ chưa thanh toán của bị đơn vào ngày 10/5/2022, chuyển nợ quá hạn và thu hồi nợ trước hạn vào ngày 28/6/2022; đối với khoản vay Hợp đồng cấp tín dụng số BTH.CN 1595.050122, nguyên đơn đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn vào ngày 03/6/2022.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả hai khoản nợ của hợp đồng cấp tín dụng và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế tạm tính đến ngày 24/6/2023 là 95.939.003 đồng (trong đó nợ gốc là 68.609.480, lãi trong hạn 1.925.000 đồng, lãi quá hạn 24.797.275 đồng, lãi chậm trả 607.248 đồng) là có căn cứ chấp nhận. Đồng thời lãi tiếp tục phát sinh theo thoả thuận tại hợp đồng cho đến khi bị đơn thanh toán hết các khoản nợ cho nguyên đơn.

Trên cơ sở nhận định nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp:

Xét nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán nợ vay phát sinh từ hợp đồng tín dụng và sử dụng thẻ tín dụng được xác lập giữa tổ chức tín dụng và cá nhân, do đó Tòa án xác định loại quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Căn cứ các kết quả xác minh của Công an phường G, Quận P, Tp. Hồ Chí Minh ngày 11/11/2022; Công an xã Trung Thành, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long ngày 22/11/2022 và ngày 13/01/2023; Công an Phường 2, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh ngày 17/11/2022 và ngày 19/4/2023, thể hiện: Ông Nguyễn Việt N, sinh năm 1981, CMND số 0233164YY có hộ khẩu thường trú tại 233/25 Đường V, phường G, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Từ ngày 28/10/2021 có đăng ký tạm trú thuê nhà trọ tại ấp An Nhơn, xã Trung Thành, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long nhưng đến tháng 6/2022 chuyển đi đâu không rõ nên chủ nhà trọ đã làm thủ tục xoá đăng ký tạm trú; thực tế hiện bị đơn không cư trú hay làm việc tại Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu ST, địa chỉ 214 HL, Phường F, quận T.

Xét, qua kết quả xác minh về địa chỉ nơi cư trú và làm việc của bị đơn, mặc dù bị đơn không cư trú nhưng vẫn đăng ký thường trú tại Quận 1. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 5, Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

Quá trình chuẩn bị xét xử cho đến khi mở phiên tòa, Tòa án nhân dân Quận 1 đã ban hành Quyết định số 2338/2023/QĐ-TB ngày 19/4/2023 về việc Thông báo giải quyết vụ án trên phương tiện thông tin đại chúng theo yêu cầu của nguyên đơn, triệu tập bị đơn giao nộp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng bị đơn đều vắng mặt được xem là từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Đồng thời, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn cũng có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp gồm: Giấy đề nghị kiểm tra phương án vay tiêu dùng tín chấp ngày 27/12/2021; Hợp đồng cấp tín dụng số BTH.CN.1595.050122 ngày 05/01/2022; Giấy đề nghị kiểm tra hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng có hiệu lực từ ngày 01/3/2021; Quy định biểu phí, lãi suất, số lượng thẻ và hạn mức giao dịch thẻ do Ngân hàng A

phát hành ngày 28/9/2020; Phiếu giải ngân chuyển khoản ngày 05/01/2022; Thông báo lịch trả nợ vay ngày 05/01/2022; Sao kê giao dịch thẻ tín dụng; Bảng kê tính lãi, phí các khoản vay của khách hàng Nguyễn Việt N và các giấy tờ về nhân thân [Chứng minh nhân dân số: 0233164YY do Công an Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 05/8/2013 đứng tên Nguyễn Việt N, sinh năm 1981, hộ khẩu thường trú: 233/25 Võ Văn K, Phường G, Quận P, Tp. Hồ Chí Minh (Công an Quận 1 cấp Sổ hộ khẩu số: 31010035710), Hợp đồng lao động ngày 23/12/2019], có cơ sở xác định giao dịch xác lập Hợp đồng cấp tín dụng số BTH.CN.1595.050122 ngày 05/01/2022, đề nghị cấp thẻ tín dụng quốc tế ngày 05/01/2022 (gọi chung là hợp đồng tín dụng) giữa bị đơn và nguyên đơn là trên cơ sở tự nguyện của hai bên, không trái quy định pháp luật nên được công nhận.

Thực hiện hợp đồng tín dụng, nguyên đơn đã giải ngân số tiền vay 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) vào tài khoản vay số 23202677 của bị đơn mở tại A (số tài khoản vay 3516742XX); đồng thời, cấp cho bị đơn thẻ tín dụng quốc tế loại thẻ Visa Gold, số thẻ: 4791 3925 5227 XXXX, hạn mức thẻ 26.000.000 đồng (Hai mươi sáu triệu đồng) và bị đơn bắt đầu thực hiện giao dịch mua hàng qua thẻ ngày 07/01/2022 (gồm các khoản giao dịch hạch toán ngày 07/01, ngày 10/01 và ngày 11/01/2022 tổng số tiền phát sinh trong kỳ là 25.900.000 đồng).

Quá trình vay vốn, sử dụng thẻ tín dụng bị đơn không thanh toán nợ gốc và lãi đúng thoả thuận. Từ ngày 10/5/2022, nguyên đơn đã chấm dứt việc sử dụng thẻ tín dụng và chuyển dư nợ thẻ gồm nợ gốc, lãi, phí sang nợ quá hạn với tổng số tiền 28.609.480 đồng. Ngày 03/6/2022, nguyên đơn phát hành Thông báo thu hồi trước hạn khoản vay có tài khoản số 351674219 ngày 05/01/2022 với dư nợ gốc 40.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh.

Như vậy, Bị đơn đã được giải ngân số tiền vay và sử dụng thẻ tín dụng thực hiện giao dịch nhưng không thanh toán nợ gốc, tiền lãi và các khoản phí phát sinh đúng thoả thuận cam kết là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Việc nguyên đơn chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng của bị đơn, chuyển dư nợ thẻ sang nợ quá hạn từ ngày 10/5/2022 với tổng dư nợ 28.609.480 đồng; đồng thời thông báo thu hồi trước hạn khoản vay tín dụng 40.000.000 đồng và áp dụng mức lãi suất để tính tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn đối với hai khoản vay theo thoả thuận tại Điều 2 của Hợp đồng cấp tín dụng; Điều 5 của Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng A là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật Tổ chức tín dụng.

Do đó, căn cứ vào Bảng kê tính lãi của hai khoản vay tính đến ngày 30/6/2023, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tổng số tiền nợ gốc và lãi là: 96.402.277 đồng; tiền lãi tiếp tục phát sinh sau ngày Tòa án xét xử cho đến khi bị đơn trả hết nợ theo mức lãi suất thoả thuận của các hợp đồng tín dụng là có cơ sở chấp nhận.

[3] Xét, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 về việc tuân theo pháp luật tố tụng và nội dung đề nghị giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nêu trên phù hợp với những đánh giá, nhận định của Hội đồng xét xử.

Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán nợ gốc 40.000.000 đồng và nợ lãi 15.150.386 đồng của Hợp đồng cấp tín dụng, nợ gốc 28.609.480 đồng và nợ lãi 12.642.411 đồng của thẻ tín dụng quốc tế; tổng số tiền là: 96.402.277 đồng (Chín mươi sáu triệu bốn trăm lẻ hai nghìn hai trăm bảy mươi bảy đồng) ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ sau ngày Tòa án xét xử cho đến khi bị đơn thanh toán dứt nợ theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng cấp tín dụng và bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng A.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tính trên số tiền phải thanh toán; hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho Nguyên đơn theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 280, Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng đã được sửa đổi, bổ sung năm 2010; có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2011;

- Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Thông báo số 15/TB-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về việc đính chính Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019;

- Căn cứ khoản 3 Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014;

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A.

Buộc ông Nguyễn Việt N phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A tổng số tiền của hai khoản nợ là: 96.402.277 đồng (Chín mươi sáu triệu bốn trăm lẻ hai nghìn hai trăm bảy mươi bảy đồng) ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ sau ngày Tòa án xét xử cho đến khi ông Nguyễn Việt N thanh toán dứt nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng cấp tín

dụng và bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng A.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Việt N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 4.820.114 đồng (Bốn triệu tám trăm hai mươi nghìn một trăm mười bốn đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền tạm ứng án phí đã nộp: 1.812.515 đồng (Một triệu tám trăm mười hai nghìn năm trăm mười lăm đồng) theo Biên lai thu số AA/2022/0000390 ngày 03/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./ .

**Nơi nhận:**

- VKSND Q 1;
- VKSND TP. HCM;
- TAND TP. HCM;
- Chi cục THADS Q1;
- Đương sự;
- Lưu (HS, VP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà**

**Hoàng Thị Ánh**